

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2021/DS-PT

Ngày: 29-9-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản và góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tông;

Ông Phạm Văn Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2021/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 198/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964; cư trú tại: Tổ M, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Bùi Văn Đ, sinh năm 1969; cư trú tại: Tổ H, khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Bùi Văn Đ là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 23 tháng 02 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Nguyễn Thị L trình bày:

Năm 2019, ông Đ có góp 02 phần hui do bà làm chủ thảo, hui 1.000.000 đồng khai lần đầu là ngày 25/11/2019 âm lịch, mỗi tháng khai 02 lần vào ngày 10 và 25 âm lịch, gồm có 27 phần. Ông Đ hót hui vào ngày 10/7/2020 âm lịch và đề nghị cho hót luôn phần hui thứ 2 vào ngày 25/7/2020 âm lịch bà đồng ý và đã giao tiền hui 2 phần cho ông Đ vào ngày 18/7/2020 âm lịch (dương lịch là ngày 05/9/2020), sau khi hót hui ông Đ phải đóng hui chết đến mãn hui ngày 25/12/2020 là 1.000.000 đồng x 2 phần = 20.000.000 đồng, ông Đ trả liền 1.000.000 đồng còn nợ 19.000.000 đồng, ông Đ viết giấy tay hót hui, ghi số tiền còn nợ bà là 19.000.000 đồng, trả mỗi tháng 4.000.000 đồng (tương đương tiền hui chết ông Đ phải đóng hàng tháng). Hui đã mãn vào kỳ khai hui ngày 25/12/2020 âm lịch, ông Đ không trả tiền cho bà như thỏa thuận.

Ngày 20/8/2020 dương lịch, bà cho ông Đ vay số tiền 24.000.000 đồng, ông Đ có viết “giấy vay mượn tiền hui”, hẹn mỗi tháng trả 4.000.000 đồng.

Ngày 20/8/2020 âm lịch (dương lịch là ngày 06/10/2020), ông Đ tiếp tục vay số tiền 24.000.000 đồng, ông Đ có viết giấy tay mượn tiền, hẹn mỗi tháng trả 4.000.000 đồng nhưng ông Đ không thực hiện.

Bà yêu cầu ông Đ trả cho bà số tiền theo 3 giấy nợ trên là 67.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo từng khoản nợ từ khi ông Đ không trả đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,83%/tháng.

Bị đơn, ông Bùi Văn Đ trình bày: Ông không vay tiền của bà L chỉ tham gia góp hui do bà L làm chủ thảo. Thừa nhận các giấy: Giấy tay hót hui ngày 05/9/2020 dương lịch; giấy vay mượn tiền hui ngày 20/8/2020 dương lịch; giấy tay mượn tiền ngày 20/8/2020 âm lịch đều do ông viết nội dung, ký tên, ghi họ và tên, lấn tay; số tiền trong mỗi giấy nợ tương ứng với số tiền hui chết ông phải đóng cho bà L vì mỗi lần hót hui bà L đăng tiền hui kêu ông phải ghi giấy mượn tiền bằng với tiền hui chết ông phải đóng, nhưng do thời gian đã lâu ông không nhớ giấy nợ tương ứng với dây hui nào, ông đã đóng hui chết đầy đủ cho bà L, việc ông đóng hui không làm giấy tờ, không lấy lại giấy nợ, nhưng có người làm chứng biết ông đóng hui chết cho bà L. Ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu của bà L.

Bản án sơ thẩm số: 27/2021/DS-ST ngày 25-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 463, khoản 4 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; điểm b, khoản 2 Điều 22, khoản 2 Điều 24 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Bùi Văn Đ về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”. Buộc ông Đ có nghĩa vụ trả cho bà L tiền nợ gốc 67.000.000 đồng, tiền lãi 3.930.000 đồng. Tổng cộng là 70.930.000 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí; lãi suất chậm thi hành án; quyền và nghĩa vụ thi hành án; quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29/6/2021 ông Đ có đơn kháng cáo, không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Đ trả tiền gốc 67.000.000 đồng và tiền lãi như bản án sơ thẩm tuyên, ông Đ nói mượn tiền làm vốn nuôi heo, khi đến hạn trả nợ bà có gặp ông Đ yêu cầu trả nợ ông Đ hẹn bán heo sẽ trả, nhưng sau đó không thực hiện. Ông Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả tiền gốc và lãi như bà L yêu cầu, cho rằng ông đã đóng xong tiền hụi chết, tin tưởng bà L không lấy lại giấy nợ, nhưng ông không có chứng cứ chứng minh việc đóng hụi đầy đủ cho bà L.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 27/2021/DS-ST ngày 25-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Văn Đ cho rằng ông đã đóng hụi chết đầy đủ cho bà L, không còn nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà L khởi kiện yêu cầu ông Đ trả 03 khoản nợ có giấy tay do ông Đ viết, ký tên, ghi họ và tên, lẫn tay cụ thể: Giấy tay hót hụi ngày 05/9/2020 dương lịch số tiền 19.000.000 đồng; giấy vay mượn tiền hụi ngày 20/8/2020 dương lịch số tiền 24.000.000 đồng; giấy tay mượn tiền ngày 20/8/2020 âm lịch số tiền 24.000.000 đồng.

Ông Đ thừa nhận ông có viết 03 giấy nợ ký tên, ghi họ và tên, lấn tay như bà L trình bày là đúng, mỗi giấy nợ tương đương số tiền hụi chết ông phải đóng cho bà L, ông đã đóng tiền hụi chết cho bà L đầy đủ, đóng hụi không làm giấy tờ, do tin tưởng không lấy lại giấy nợ, việc ông đóng tiền hụi chết cho bà L có một số người làm chứng biết. Bà L không thừa nhận, cho rằng ông Đ còn nợ theo 3 giấy nợ trên là 67.000.000 đồng tiền gốc.

Qua xác minh những người làm chứng do ông Đ yêu cầu họ cho biết ông Đ có góp hụi do bà L làm chủ thảo, có vài lần ông Đ mượn tiền của họ để đóng tiền hụi cho bà L, nhưng không biết rõ cụ thể ông Đ nợ bà L bao nhiêu tiền, trả được bao nhiêu tiền; ông Đ cho rằng đóng hụi chết đầy đủ cho là L nhưng không có chứng cứ gì chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc ông Đ trả tiền gốc 67.000.000 đồng là có căn cứ.

[2] Về tiền lãi suất:

Bà L yêu cầu ông Đ trả tiền lãi suất theo từng khoản nợ từ khi ông Đ không trả đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,83%/tháng. Ông Đ không đồng ý trả tiền lãi, thấy rằng:

Qua xem xét giấy nợ ngày 20/8/2020 dương lịch (bút lục số 58), giấy nợ ngày 20/8/2020 âm lịch (bút lục số 57) do bà L cung cấp cho Tòa án nội dung thể hiện mượn tiền, không ghi lãi suất nhưng có ghi kỳ hạn trả, mỗi tháng trả 4.000.000 đồng; giấy nợ ngày 05/9/2020 dương lịch thể hiện nợ tiền hụi, có ghi kỳ hạn trả mỗi tháng trả 4.000.000 đồng, ông Đ không có chứng cứ gì chứng minh đã trả tiền hụi hàng tháng cho bà L, bà L yêu cầu tính lãi suất từng khoản nợ theo mức lãi suất 0,83%/tháng là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà L buộc ông Đ trả cho bà L tiền lãi tính từ khi ông Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất 0,83%/tháng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Xét thấy, ông Đ kháng cáo không đồng ý trả tiền gốc 67.000.000 đồng và lãi cho bà L, cho rằng đã trả xong nhưng không có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Bùi Văn Đ, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 27/2021/DS-ST ngày 25-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Văn Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2021/DS-ST ngày 25-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Văn Đ kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên ông phải chịu 300.000 đồng tiền án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự; điểm b, khoản 2 Điều 22; khoản 2 Điều 24 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Bùi Văn Đ.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2021/DS-ST ngày 25-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Bùi Văn Đ về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi”.

Buộc ông Bùi Văn Đ có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị L tiền gốc 67.000.000 đồng, tiền lãi 3.930.000 đồng. Tổng cộng là 70.930.000 (bảy mươi triệu chín trăm ba mươi nghìn) đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Bùi Văn Đ không thi hành số tiền trên thì hàng tháng ông Đ còn phải trả cho bà L số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Bùi Văn Đ phải chịu 3.546.500 (ba triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm) đồng.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà L số tiền 1.675.000 (một triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo Biên lai thu tiền số: 0004939 ngày 25 tháng 02 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Bùi Văn Đ phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông Đ đã nộp theo Biên lai

thu tiền số: 0005284 ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện Tân Biên;
- CCTHADS huyện Tân Biên;
- Phòng KTNV&THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyền